

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2026/HS-ST
Ngày: 07/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Anh.

Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Ngọc Đăng

Bà Võ Thị Yến Lan

Bà Đặng Thị Liễu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**
Bà Bùi Thị Thúy Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Ngô Văn C, giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 28/7/1999, tại thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: thôn T, xã H, thành phố Đà Nẵng; Tiền án, tiền sự: Không; H và tên cha: Ngô T (SN: 1967; còn sống); Họ và tên mẹ: Lê Thị N (sinh năm: 1973; còn sống); Gia đình có bốn chị em, bị cáo là con thứ ba; Chưa có vợ con;

Bị can bị bắt, tạm giam từ ngày 15/10/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đ.

*** Bị hại:**

- Ông Trần Văn P, sinh năm 1996; Địa chỉ: L, xã Q, thành phố Đà Nẵng.
Vắng mặt

- Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số B D, xã X, TP .. Vắng mặt

- Ông Ngô T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn T, xã H, thành phố Đà Nẵng.
Vắng mặt có lý do

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1989 và ông Nguyễn Xuân H3, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: C đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Cả hai có mặt

- Bà Huỳnh Thị Mộng H4. sinh năm 1973; Địa chỉ: Phường B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt

- Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 2000; Địa chỉ: F N, xã Q, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- Ông Trần Văn A, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn E xã Q, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- Ông Hồ Hoàng M, sinh năm 1998; Địa chỉ: thôn G, xã T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt có lý do

- Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch HĐQT. Vắng mặt

- Công ty cổ phần M1 (JUPITER); Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T2- Tổng giám đốc. Vắng mặt

* Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Xuân B; Địa chỉ: C T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2024, Ngô Văn C tham gia đầu tư tiền ảo trên mạng internet bị thua lỗ, mất khả năng trả nợ nên nảy sinh ý định thuê xe ô tô, làm giả giấy tờ cá nhân, giấy tờ đăng ký xe ô tô nhằm cầm cố lấy tiền để sử dụng đầu tư tiền ảo và tiêu xài cá nhân. Từ ngày 06/7/2024 đến ngày 24/9/2024, Ngô Văn C đã làm giả giấy tờ cá nhân, giấy tờ đăng ký xe để thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô của 03 bị hại, cụ thể:

1. Vụ thứ nhất tại thành phố Đà Nẵng:

Khoảng tháng 10/2022, ông Ngô T (là cha ruột của Ngô Văn C) mua xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại Soluto, BKS 92A-306.31 đứng tên ông T và thế chấp tại Ngân hàng TMCP V – chi nhánh Q số tiền 330.000.000 đồng nên Ngân hàng giữ bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (GCNĐK) mang tên ông T. Mục đích ông T mua xe ô tô để cho C mượn chạy dịch vụ, mỗi lần C mượn xe, C đều nói với ông T. Khoảng tháng 7/2024, C nảy sinh ý định đặt làm giả GCNĐK để đem xe đi cầm cố lấy tiền. Chính mượn xe ô tô trên của ông T, sau đó C vào mạng xã hội Face book

liên hệ với một đối tượng (không rõ lai lịch), cung cấp thông tin và đặt làm giả GCNĐK ô tô. Khoảng 03 ngày sau, C nhận được GCNĐK ô tô giả (có đặc điểm số 92000180; tên chủ xe: Ngô Văn C; địa chỉ: T, H, H, Quảng Nam; nhãn hiệu: KIA; số máy: G4LCN1058414; số khung: RNY0B49M5NC285529; màu sơn: trắng; biển số đăng ký 92A-306.31; ký tên thượng tá Nguyễn Thanh L –P. Trưởng Công an huyện H; in hình dấu “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM – CÔNG AN HUYỆN HIỆP ĐỨC”)

Ngày 06/7/2024, Ngô Văn C đem xe ô tô trên đến gặp ông Hồ Hoàng M tại phòng trọ của ông M ở phường L, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, C đưa GCNĐK ô tô giả, Giấy chứng nhận đăng kiểm xe và căn cước công dân của C cho ông M xem và nói dối ông M xe ô tô là của C và thỏa thuận với ông M vay số tiền 260.000.000 đồng, giao xe ô tô cho ông M giữ cùng GCNĐK ô tô giả, căn cước công dân của C tạo niềm tin và đảm bảo khoản vay, đồng thời Chính hạn 01 tháng sau sẽ trả tiền cho ông M thì nhận lại xe ô tô và các giấy tờ trên. Sau khi thống nhất, ông M giao cho C số tiền 260.000.000 đồng, C viết giấy mượn tiền giao cho ông M giữ. Lúc nhận tiền, C thanh toán trước cho ông M 13.000.000 đồng tiền lãi. Khoảng 01 tháng sau, C đến gặp ông M để xin lại căn cước công dân về làm thủ tục vay tiền trả cho ông M thì ông M đồng ý.

Tang vật, vật chứng, đồ vật, tài liệu tạm giữ của ông Hồ Hoàng M: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: Soluto, BKS 92A-306.31; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS 92A-303.61; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (có đặc điểm số 92000180; tên chủ xe: Ngô Văn C; địa chỉ: T, H, H, Quảng Nam; nhãn hiệu: KIA; số máy: G4LCN1058414; số khung: RNY0B49M5NC285529; màu sơn: trắng; biển số đăng ký 92A-306.31; ký tên thượng tá Nguyễn Thanh L –P. Trưởng Công an huyện H; in hình dấu “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM – CÔNG AN HUYỆN HIỆP ĐỨC”); 01 giấy mượn tiền viết tay (Ngô Văn C viết).

* Tại Kết luận định giá số 03/KL-HĐĐGTS ngày 12/6/2026 của Hội đồng định giá tài sản xã H kết luận giá trị xe ô tô BKS 92A-303.61 tại thời điểm tháng 7/2024 là 367.078.400 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1082/KL-KTHS ngày 18/6/2026 của Phòng K1 Công an thành phố Đ kết luận đối với “Giấy đăng ký xe ô tô” số 92000180 mang tên Ngô Văn C, ghi ngày 29/11/2022 (ký hiệu A): Mẫu gửi giám định ký hiệu A là giả.

2. Vụ thứ hai tại tỉnh Quảng Nam (cũ) nay là thành phố Đà Nẵng:

Ngày 17/9/2024, Ngô Văn C liên hệ với ông Nguyễn Thanh T3 (sinh năm 2000; trú: TDP L, thị trấn. Đông Phú, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (cũ) nay là thôn L, xã Q, thành phố Đà Nẵng) hỏi thuê xe ô tô loại Toyota Fortuner. Do ông T3 không có xe loại này nên đã liên hệ với ông Trần Văn P (trú: thôn L, xã Q, thành phố Đà Nẵng) về việc C muốn thuê xe ô tô như trên. Ông P đồng ý cho C thuê xe ô tô nhãn

hiệu Toyota Fortuner BKS 92A-176.03 của ông Trần Văn Á (trú thôn L, xã Q, thành phố Đà Nẵng, cha ruột ông P đứng tên chủ sở hữu giao cho ông P quản lý), trong thời hạn từ 17/9/2024 đến 28/9/2024, với giá 800.000 đồng/01 ngày. Ông P yêu cầu C cung cấp giấy phép lái xe (viết tắt GPLX), căn cước công dân (viết tắt CCCD) của C để ông P làm hợp đồng cho thuê xe. Chính gửi hình ảnh CCCD và GPLX của C qua zalo và chuyển 500.000 đồng đặt cọc tiền thuê xe cho ông T3, rồi ông T3 chuyển cho ông P để P làm 02 bản hợp đồng cho thuê xe ô tô, người cho thuê xe là Trần Văn P, ký tên trước, bên thuê xe là Ngô Văn C. Sau đó, ông P đưa xe và hợp đồng thuê xe cho ông T3 để giao lại cho C. Khi giao xe, trên xe ô tô có sẵn 01 giấy biên nhận thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 92A-176.03 mang tên ông Trần Văn Á (bản sao y bản chính của Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 - T5), 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS 92A-176.03 (bản gốc), 01 hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới xe ô tô BKS 92A-176.03 mang tên ông Trần Văn Á (bản gốc). Sau khi C nhận xe, ký hợp đồng thuê xe thì ông T3 đem bản hợp đồng về giao lại cho ông P giữ.

Sau khi thuê được xe, C lên mạng internet liên hệ một đối tượng (không rõ lai lịch) đặt làm giả giấy tờ gồm: 01 CCCD số 049094007190 cấp ngày 30/10/2023 mang tên Ngô Văn C (với thông tin cá nhân của C) và 01 GĐKX ô tô số 035755 cấp ngày 24/9/2019, tên chủ xe: Ngô Văn C, địa chỉ: Thôn E, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nhãn hiệu: Toyota; số loại: Fortuner, loại xe: ô tô con; màu sơn: trắng; số máy: 2GD0712570; số khung: 3GSSK2523369; dung tích: 2393; biển số: 92A-176.03. Ngoài ra, C còn đến một tiệm photocopy trên địa bàn quận N nhờ một người (không rõ lai lịch) thay đổi 02 tờ đầu của hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới xe ô tô BKS 92A-176.03 bằng cách thay tên chủ xe ông Trần Văn Á thành tên của C.

Sau khi có các giấy tờ giả nêu trên, khoảng 10 giờ ngày 21/9/2024, C điều khiển xe ô tô trên đến tiệm C1 (địa chỉ: C đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng) do bà Nguyễn Thị H2 (làm quản lý). Tại đây, C đưa 01 CCCD, 01 GĐKX ô tô giả nêu trên cho bà H2 và nói xe ô tô BKS 92A-176.03 là của C và thỏa thuận cầm xe với số tiền 140.000.000 đồng. Bà H2 đồng ý, viết giấy biên nhận cầm đồ kèm hợp đồng thế chấp tài sản, C giao xe, chìa khóa xe và các giấy tờ giả cho bà H2. Bà H2 nói chồng là ông Nguyễn Xuân H3 chuyển khoản số tiền 140.000.000 đồng cho C. Sau đó, ông H3 điều khiển xe ô tô trên ra để ở bãi đỗ xe trước số nhà C đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Đến khoảng 19 giờ ngày 22/9/2024, C liên lạc với bà H2 để hỏi vay thêm số tiền 10.000.000 đồng. Bà H2 đồng ý và nói ông H3 chuyển khoản 10.000.000 đồng cho C. Đến 19 giờ 30 phút ngày 23/9/2024, C đến gặp bà H2 vay thêm số tiền 50.000.000 đồng thì bà H2 đồng ý, tổng số tiền C vay của bà H2 và cầm xe ô tô đến lúc này là 200.000.000 đồng. Bà H2 và C thỏa thuận trừ liền lãi 6.000.000 đồng nên bà H2 nói ông H3 chuyển khoản cho C số tiền 44.000.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ ngày 25/9/2024, C tiếp tục đến gặp bà H2 vay thêm số tiền 200.000.000 đồng. Bà H2 đồng ý và nói ông H3 chuyển tiếp cho C 200.000.000

đồng và yêu cầu C ghi lại lấy biên nhận cầm đồ với tổng số tiền 400.000.000 đồng. Tối cùng ngày, C vào thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng 20 giờ ngày 28/9/2024, hết thời hạn thuê xe theo hợp đồng cho thuê xe giữa C và ông P, không thấy C trả xe và thanh toán tiền nên ông P, ông T3 liên hệ với C thì C nói đang ở thành phố Hồ Chí Minh, khuya bay về sẽ trả lại xe. Tuy nhiên, đến sáng ngày 29/9/2024, ông P và ông T3 điện thoại cho C thì không liên lạc được. Ngày 30/9/2024, khi định vị xe ô tô thì ông T3, ông P phát hiện xe ô tô BKS 92A-176.03 đang đỗ ở đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng nhiều ngày không di chuyển nên ông P và ông T3 mang chìa khóa phụ ra lấy xe và điều khiển xe về nhà.

Ngày 01/10/2024, ông H3 ra bãi đỗ xe không thấy xe nên điện thoại cho C thì C nói dối đã đem xe về quê hẹn sẽ đem ra trả. Đến chiều cùng ngày, không thấy C đem xe ra trả, bà H2 liên hệ C thì C nói xe này không phải của C nên bà H2 đã đến Công an trình báo sự việc.

** Tang vật, vật chứng, đồ vật, tài liệu tạm giữ của:*

+ Bà Nguyễn Thị H2: 01 CCCD số 049094007190 cấp ngày 31/10/2023 mang tên Ngô Văn C; 01 GDKX ô tô BKS 92A-176.03, số 035755 cấp ngày 24/9/2019 mang tên Ngô Văn C; 01 giấy chứng nhận kiểm định số DB1797628; 01 hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới; 01 biên nhận cầm đồ giữa Ngô Văn C và Nguyễn Thị H2 (BL: 13, 19; 29-33 tập 2);

+ Ông Trần Văn Â: 01 xe ô tô BKS 92A-176.03 (BL: 20; 142 – tập 2);

+ Ông Trần Văn P: 01 giấy biên nhận thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Văn Â1 (bản sao); 01 hợp đồng cho thuê xe tự lái giữa P và C (BL: 21, 27 – tập 2);

+ Ngô Văn C: 01 điện thoại di động hiệu iphone Xs (số seri: G0PXXK920KPFP, số imei: 357203095044896; gắn sim số 0904724594 (BL: 22-143, tập 2);

*** Tại Kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐGTS ngày 28/11/2024** của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Q kết luận: Giá trị xe ô tô BKS 92A-176.03 tại thời điểm định giá là 774.576.000 đồng (BL: 100-102, tập 2);

*** Tại Kết luận giám định số 96/KL-KTHS ngày 21/01/2025** của Phòng K1 Công an tỉnh Q (cũ) kết luận: Căn cước công dân mang tên Ngô Văn C và Giấy đăng ký xe ô tô BKS 92A-176.03 chủ xe Ngô Văn C là giả (BL: 139-141, tập 2).

2. Vụ thứ ba tại thành phố Hồ Chí Minh:

Ngày 27/9/2024, Ngô Văn C đang ở thành phố Hồ Chí Minh và tiếp tục nảy sinh ý định thuê xe ô tô, làm giấy tờ giả rồi đem cầm cố lấy tiền tiêu cái cá nhân. Chính đến xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (cũ) gặp ông Nguyễn Ngọc H1 (trú: Số 2/180 Dương Công K, Ấp B, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh) thuê xe ô tô nhãn hiệu Inova, BKS 51K-826.23 (do ông H1 đứng tên chủ sở hữu). Ông H1 và C lập hợp đồng thuê xe, thời hạn từ 19 giờ 30 phút ngày 27/9/2024 đến 22 giờ ngày 01/10/2024, giá 3.500.000 đồng. Chính đặt cọc tiền thuê xe cho ông H1 5.000.000 đồng, đồng thời C cung cấp cho ông H1 01 CCCD (bản gốc) và 01 GPLX (bản gốc) mang tên Ngô Văn C, ông H1 sử dụng điện thoại chụp lại hình ảnh 02 giấy tờ cá nhân của C rồi giao xe cho C sử dụng.

Sau khi thuê được xe, C phát hiện trên xe có 01 GĐKX ô tô BKS 51K- 826.23 mang tên Nguyễn Ngọc H1. Chính biết để cầm được xe ô tô phải có giấy tờ chính chủ nên ngày 28/9/2024, C lên mạng xã hội Telegram nhờ chỉnh sửa, photoshop CCCD với hình ảnh của C và thông tin của ông Nguyễn Ngọc H1, rồi đến một tiệm photocopy (không xác định được địa chỉ) nhờ in ra bản đen-trắng 01 CCCD số 079094456124 mang tên Nguyễn Ngọc H1 nhưng hình ảnh của C. Tiếp đó, C sử dụng bản đen-trắng CCCD giả nói trên và đem xe ô tô BKS 51K-826.23 đến tiệm cầm đồ Huỳnh H4, địa chỉ: Khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (cũ) cho bà Huỳnh Thị Mộng H4 (trú: KP B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương cũ) làm chủ để cầm cố lấy tiền. Tại đây, C thỏa thuận cầm xe trên cho bà H4 với số tiền 200.000.000 đồng và C viết thêm 01 giấy bán xe cho bà H4 để làm tin. Số tiền cầm xe có được C đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá thời hạn thuê xe, ông H1 liên hệ Chính yêu cầu trả xe nhưng không liên lạc được, ông H1 định vị xe ô tô trên thì phát hiện xe đang đỗ tại tỉnh Bình Dương và đã được C cầm cố cho bà H4. Đến ngày 11/10/2024, ông Nguyễn Ngọc H1 đến Công an xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (cũ) trình báo sự việc.

** Tang vật, vật chứng, đồ vật, tài liệu tạm giữ của*

+ Ông Nguyễn Ngọc H1: 01 hợp đồng cho thuê xe (bản gốc) (BL: 08-09)

+ Bà Huỳnh Thị Mộng H4: 01 xe ô tô BKS 51K-826.23; 01 giấy đăng ký xe; 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của xe ô tô BKS 51K-826.23; 01 CCCD bản photo (bản trắng-đen) mang tên Nguyễn Ngọc H1 và hình ảnh của Ngô Văn C; 01 giấy bán xe viết ngày ngày 30/9/2024 (BL: 15; 23-24 tập 1);

+ Ngô Văn C: 01 bản sao GPLX hạng C mang tên Ngô Văn C (BL: 31; 34 - tập 1)

*** Tại Kết luận định giá số 106/KL-HĐDGTS ngày 16/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Bình Dương (cũ) kết luận: Giá**

trị tài sản định giá là xe ô tô nhãn hiệu Toyota BKS 51K-826.23 tại thời điểm định giá (tháng 9/2024) là 505.000.000 đồng (BL: 74-75 – tập 1);

*** Tại Kết luận định giá lại tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 28/11/2024** của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Dương (cũ) kết luận: Giá trị tài sản định giá là xe ô tô nhãn hiệu Toyota BKS 51K-826.23 tại thời điểm định giá (tháng 9/2024) là 406.667.000 đồng (BL: 103-107 – tập 1).

Quá trình điều tra, Ngô Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên (BL: 156-168 – tập 1; 56-66;184-186;192-195; 292-293 – tập 2).

*** Về phần xử lý vật chứng:**

- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B (cũ) đã trả lại cho các chủ sở hữu:

+ Ông Ngô T: 01 xe ô tô BKS 92A-306.31 và giấy kiểm định đăng ký xe ô tô BKS 92A-306.31.

+ Ông Trần Văn Â: 01 xe ô tô BKS 92A-176.03 và các giấy tờ liên quan đến xe ô tô gồm: 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy biên nhận thể chấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (BL: 196-197);

+ Ông Nguyễn Ngọc H1: 01 xe ô tô BKS 51K-826.23 và các giấy tờ liên quan đến xe ô tô gồm: 01 GCNĐK xe số 50005550, 01 GKĐ số DA6373953, 01 GCN bảo hiểm tự nguyện, 01 GCN bảo hiểm bắt buộc mang tên anh H1 (BL: 146-147).

- Các tài liệu, giấy tờ giả Ngô Văn C sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, gồm:

+ 01 Giấy đăng ký xe ô tô số 035755 cấp ngày 24/9/2019, tên chủ xe: Ngô Văn C (địa chỉ: thôn E, TT. Đ, H.Quế Sơn, T.Quảng Nam; nhãn hiệu: Toyota, số loại: Fortuner; loại xe: ô tô con; màu sơn: trắng; số máy: 2GD0712570, số khung: 3GSSK2523369, dung tích: 2393; biển số: 92A-176.03; cấp ngày 24/9/2019);

+ 01 CCCD số 049094007190 cấp ngày 10/10/2023 mang tên Ngô Văn C

+ 01 điện thoại di động hiệu iphone Xs (số seri: G0PXXK920KPFP, số imei: 357203095044896; gắn sim số 0904724594 của Ngô Văn C sử dụng thực hiện hành vi phạm tội;

Các vật chứng trên hiện Thi hành án dân sự thành phố Đ đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/4/2026.

- Các tài liệu, chứng cứ lưu giữ theo hồ sơ:

+ 01 Giấy đăng ký xe ô tô có đặc điểm: số 92000180; tên chủ xe: Ngô Văn C; địa chỉ: T, H, H, Quảng Nam; nhãn hiệu: KIA; số máy: G4LCN1058414; số khung: RNY0B49M5NC285529; màu sơn: trắng; biển số đăng ký 92A-306.31; ký tên

thượng tá Nguyễn Thanh L –P. Trưởng Công an huyện H; in hình dấu “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM – CÔNG AN HUYỆN HIỆP ĐỨC” (được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS3; BL 355).

+ 02 đĩa DVD được đựng trong 01 bì thư trắng có đóng dấu của Cơ quan điều tra là dữ liệu điện tử quá trình Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ hỏi cung bị can ghi hình có âm thanh;

+ 01 CCCD bản sao trắng-đen mang tên Nguyễn Ngọc H1 và hình ảnh của Ngô Văn C; 01 bản sao GPLX hạng C mang tên Ngô Văn C;

+ 01 giấy bán xe viết ngày ngày 30/9/2024;

+ 01 hợp đồng bảo hiểm xe cơ ở giới mang tên Trần Văn A (giả);

+ 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 26/7/2024.

*** Về Dân sự:**

- Ông Ngô T, ông Trần Văn A và ông Nguyễn Ngọc H1 sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu gì về dân sự, nên không đề cập đến,

- Bà Huỳnh Thị Mộng H4 yêu cầu Ngô Văn C bồi thường số tiền 200.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H2 yêu cầu bồi thường số tiền 394.000.000 đồng; ông Hồ Hoàng M yêu cầu trả lại số tiền 247.000.000 đồng (tiền những người liên quan cho C vay, nhận cầm cố xe).

Ông Ngô T bị Công ty Cổ phần M1 (công ty mua bán nợ) khởi kiện yêu cầu trả số tiền 455.888.785 đồng (theo hợp đồng vay đối với Ngân hàng TMCP V1) và đã được Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đà Nẵng giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sau khi nhận lại được xe ô tô để trả lại cho Ngân hàng và Công ty mua bán nợ để đảm bảo khoản vay thì ông T không có yêu cầu gì khác.

* Tại bản Cáo trạng số 115/CT-VKS-P2 ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Ngô Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 và “Sử dụng con dấu tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố Nhà nước luận tội, giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Ngô Văn C đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức”

+ Áp dụng điểm a khoản 4 điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Ngô Văn C** từ 13 đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng điểm b khoản 3 điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo **Ngô Văn C** từ 04 đến 05 năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 (hai) tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 17 đến 18 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/10/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Ngô Văn C có nghĩa vụ bồi thường cho bà Huỳnh Thị Mộng H4 200.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H2 số tiền 394.000.000 đồng và ông Hồ Hoàng M số tiền 247.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Xuân B là người bào chữa cho bị cáo trình bày: Về tội danh thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát. Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải. Nguyên nhân của việc phạm tội là do bị cáo tham gia chơi tiền ảo dẫn đến mất khả năng trả nợ, thời điểm này cũng do ảnh hưởng của dịch Covid nên bị cáo mất việc làm, không có nguồn thu nhập. Tài sản chiếm đoạt từ hành vi lừa đảo của 03 bị hại đã được khắc phục (đã trả lại 03 xe ô tô), bị cáo có tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị cáo cũng đã khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô của ông Ngô T, tình tiết này được xem là tích cực giúp cơ quan điều tra làm rõ hành vi phạm tội. Từ những tình tiết nêu trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới khung hình phạt quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn C thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, không tranh luận và ở phần nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn C khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra thu thập có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 06/7/2024, 17/9/2024, 27/9/2024 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh, do cần tiền để đầu tư tiền ảo, tiêu xài cá nhân, Ngô Văn C đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức đưa ra thông tin gian dối để thuê, mượn xe ô tô của các bị hại, sau đó lên mạng xã hội đặt làm giả giấy tờ (giấy đăng ký xe, căn cước công dân...) mang tên Ngô Văn C và sử dụng các giấy tờ giả này để đem xe đi cầm cố và chiếm đoạt tài sản. Với phương thức, thủ đoạn trên, Ngô Văn C đã lừa đảo chiếm đoạt 03 xe ô tô các loại với tổng giá trị tài sản 1.548.321.400 đồng (trong đó xe ô tô BKS 92A-306.31 trị giá 367.078.400 đồng của ông Ngô T; xe ô tô BKS 92A-176.03 trị giá 774.576.000 đồng của anh Trần Văn P; xe ô tô BKS 51K-826.23 trị giá 406.667.000 đồng của anh Nguyễn Ngọc H1) và đem đi cầm cố với tổng số tiền 841.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của Ngô Văn C đã phạm vào tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 và *"Sử dụng con dấu tài liệu giả của cơ quan tổ chức"* theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra thì thấy: Bị cáo Ngô Văn C có đầy đủ khả năng để nhận thức và điều khiển hành vi, nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối, làm giả giấy tờ nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, và uy tín, quyền hạn của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì thấy:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có tham gia nghĩa vụ quân sự, gia đình có công Cách mạng, bị cáo khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe của ông Ngô T và người bị hại ông Ngô T có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, do đó HĐXX áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Các nhận định đã nêu cũng là căn cứ để chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đối với quan điểm của Luật Sư Nguyễn Xuân B là người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b và t khoản 1 điều 51 và điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, các điều tra viên đã nhiều lần đầu tranh và lấy lời khai bị cáo có khai nhận gì ngoài hai lần lừa đảo đối với ông Trần Văn P và ông Nguyễn Ngọc H1, bị cáo không khai nhận, do đó sau này bị cáo khai ra lần lừa đảo chiếm đoạt xe của ông Ngô T, Hội đồng xét xử chỉ áp dụng đây là tình tiết đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Luật sư cho rằng tài sản bị cáo chiếm đoạt là 03 xe ô tô của các ông Trần Văn P (do ông A giao quản lý, sử dụng), ông Nguyễn Ngọc H1 và ông Ngô T đã được trả lại cho các chủ sở hữu, tuy nhiên 03 xe ô tô của các bị hại nói trên là do Cơ quan CSĐT thu hồi của những người nhận cầm cố để trả lại cho bị hại chứ không phải do bị cáo tự nguyện trả lại; ngoài ra số tiền bị cáo hưởng lợi từ hành vi cầm cố của các bà Nguyễn Thị H2, bà Huỳnh Thị Mộng H4 và ông Hồ Hoàng M, bị cáo có trả lại tiền lãi cho bà H2 6.000.000 đồng và ông M 13.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận điều này và các cơ quan tố tụng cũng đã khấu trừ số tiền trên trong phân trách nhiệm dân sự của bị cáo, do đó không có cơ sở để áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư Nguyễn Xuân B về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b và t khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[5] Các vấn đề khác liên quan trong vụ án:

- Ngô Văn C có hành vi đặt đối tượng (không rõ lai lịch) làm giả căn cước công dân, giấy đăng ký xe và nhờ người tại tiệm photocopy (không rõ lai lịch) làm giả, chỉnh sửa tên ông Trần Văn A trên 02 tờ đầu của hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới BKS 92A-176.03 sang tên Ngô Văn C, quá trình điều tra chưa xác định được các đối tượng trực tiếp làm giả các tài liệu, giấy tờ trên nên không có căn cứ xử lý chính về hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ tiếp tục điều tra, xử lý đối với các đối tượng làm giả là có căn cứ.

- Đối với ông Nguyễn Thành T1 và ông Trần Văn P có hành vi lấy lại xe ô tô BKS 92A-176.03 tại bãi xe trên đường N, thành phố Đà Nẵng do Ngô Văn C thuê xe quá thời hạn hợp đồng nhưng không trả, ông T1 và ông P định vị, xác định vị trí của xe nên đến lấy lại. Hành vi của ông T1, ông P không có dấu hiệu tội phạm. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ không đề cập xử lý là có cơ sở.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Mộng H4 yêu cầu bồi thường 200.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H2 yêu cầu bồi thường số tiền 394.000.000 đồng, ông Hồ Hoàng M yêu cầu bồi thường số tiền 247.000.000 đồng. Xét thấy những yêu cầu bồi thường nói trên của bà H4, bà H2 và ông M là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận và buộc bị cáo Ngô Văn C phải có trách nhiệm bồi thường cho bà H4, bà H2 và ông M với số tiền đã yêu cầu nói trên.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho các chủ sở hữu: Ông Trần Văn Á: 01 xe ô tô BKS 92A-176.03 và các giấy tờ liên quan đến xe ô tô gồm: 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy biên nhận thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (BL: 196-197); Anh Nguyễn Ngọc H1: 01 xe ô tô BKS 51K-826.23 và các giấy tờ liên quan đến xe ô tô gồm: 01 GCNĐK xe số 50005550, 01 GKĐ số DA6373953, 01 GCN bảo hiểm tự nguyện, 01 GCN bảo hiểm bắt buộc mang tên anh H1 (BL: 146-147); Ông Ngô T : 01 xe ô tô BKS 92A-306.31 và giấy kiểm định đăng ký xe ô tô BKS 92-306.31 (BL 342-343) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Tịch thu tiêu hủy tài liệu, giấy tờ giả Ngô Văn C sử dụng thực hiện hành vi phạm tội: 01 Giấy đăng ký xe ô tô số 035755 cấp ngày 24/9/2019, tên chủ xe: Ngô Văn C (địa chỉ: thôn E, TT. Đ, H.Quế Sơn, T.Quảng Nam; nhãn hiệu: Toyota, số loại: Fortuner; loại xe: ô tô con; màu sơn: trắng; số máy: 2GD0712570, số khung: 3GSSK2523369, dung tích: 2393; biển số: 92A-176.03; cấp ngày 24/9/2019); 01 CCCD số 049094007190 cấp ngày 10/10/2023 mang tên Ngô Văn C.

- Tịch thu và tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu iphone Xs (số seri: G0PXXK920KPFP, số imei: 357203095044896; gắn sim số 0904724594 của Ngô Văn C sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, điện thoại bị hư hỏng).

(Các vật chứng hiện đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/3/2026 tại Thị hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; BL 266).

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ các tài liệu, chứng cứ:

+ 01 Giấy đăng ký xe ô tô có đặc điểm: số 92000180; tên chủ xe: Ngô Văn C; địa chỉ: T, H, H, Quảng Nam; nhãn hiệu: KIA; số máy: G4LCN1058414; số khung: RNY0B49M5NC285529; màu sơn: trắng; biển số đăng ký 92A-306.31; ký tên thượng tá Nguyễn Thanh L –P. Trưởng Công an huyện H; in hình dấu “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM – CÔNG AN HUYỆN HIỆP ĐỨC” (được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS3; BL 355).

+ 02 đĩa DVD được đựng trong 01 bì thư trắng có đóng dấu của Cơ quan điều tra là dữ liệu điện tử quá trình Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ hỏi cung bị can ghi hình có âm thanh;

+ 01 CCCD bản sao trắng-đen mang tên Nguyễn Ngọc H1 và hình ảnh của Ngô Văn C; 01 bản sao GPLX hạng C mang tên Ngô Văn C.

+ 01 giấy bán xe viết ngày 30/9/2024; 01 hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới mang tên Trần Văn Á (giả);

+ 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 26/7/2024.

[8] Về án phí: Bị cáo Ngô Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức”

- Áp dụng điểm a khoản 4 điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo Ngô Văn C **13 (Mười ba)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo Ngô Văn C **04 (Bốn)** năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 (*hai*) tội buộc bị cáo Ngô Văn C phải chấp hành **17 (Mười bảy)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/10/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Ngô Văn C có nghĩa vụ bồi thường cho bà Huỳnh Thị Mộng H4 200.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H2 số tiền 394.000.000 đồng và ông Hồ Hoàng M số tiền 247.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Ngô Văn C không thi hành số tiền nêu trên thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy tài liệu, giấy tờ giả Ngô Văn C sử dụng thực hiện hành vi phạm tội: 01 Giấy đăng ký xe ô tô số 035755 cấp ngày 24/9/2019, tên chủ xe: Ngô Văn C (địa chỉ: thôn E, TT. Đ, H.Quế Sơn, T.Quảng Nam; nhãn hiệu: Toyota, số loại: Fortuner; loại xe: ô tô con; màu sơn: trắng; số máy: 2GD0712570, số khung: 3GSSK2523369, dung tích: 2393; biển số: 92A-176.03; cấp ngày 24/9/2019); 01 CCCD số 049094007190 cấp ngày 10/10/2023 mang tên Ngô Văn C.

- Tịch thu và tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu iphone Xs (số seri: G0P XK920KFPF, số imei: 357203095044896; gắn sim số 0904724594 của Ngô Văn C sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, điện thoại bị hư hỏng)

(các vật chứng hiện đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; BL 266).

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ các tài liệu, chứng cứ:

+ 01 Giấy đăng ký xe ô tô có đặc điểm: số 92000180; tên chủ xe: Ngô Văn C; địa chỉ: T, H, H, Quảng Nam; nhãn hiệu: KIA; số máy: G4LCN1058414; số khung: RNY0B49M5NC285529; màu sơn: trắng; biển số đăng ký 92A-306.31; ký tên thượng tá Nguyễn Thanh L – P. Trưởng Công an huyện H; in hình dấu “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM – CÔNG AN HUYỆN HIỆP ĐỨC” *(được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS3; BL 355).*

+ 02 đĩa DVD được đựng trong 01 bì thư trắng có đóng dấu của Cơ quan điều tra là dữ liệu điện tử quá trình Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ hỏi cung bị can ghi hình có âm thanh; 01 CCCD bản sao trắng-đen mang tên Nguyễn Ngọc H1 và hình ảnh của Ngô Văn C; 01 bản sao GPLX hạng C mang tên Ngô Văn C;

+ 01 giấy bán xe viết ngày ngày 30/9/2024;

+ 01 hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới mang tên Trần Văn Â (giả);

+ 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 26/7/2024.

4. Về án phí:

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Ngô Văn C phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 37.230.000 đồng *(Ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án *(07/8/2026)*. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng PV06 Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Anh

